

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SINH THÁI KIM LAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SINH THÁI KIM LAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107413803

3. Ngày thành lập: 28/04/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 68, ngõ 4, đường Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984999658

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng cây nhãn, cây vải, cây chôm chôm. Trồng cây táo, cây mận, cây mơ, cây anh đào, cây lê và các loại quả có hạt như táo khác. Trồng cây ăn quả khác Trồng cây xoài, cây chuối, cây đu đủ, cây sung, cây chà là, các loại cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới.	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây chè	0127
13.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trừ loại Nhà nước cấm)	0128
14.	Trồng cây lâu năm khác	0129
15.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
16.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142

17.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
18.	Chăn nuôi lợn	0145
19.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở ấp trứng gia cầm để lấy con giống và trứng lợn. Hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt và lấy trứng. Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và lấy trứng. Chăn nuôi khác	0146
20.	Chăn nuôi khác	0149
21.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
24.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25.	Khai thác thủy sản biển	0311
26.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: Khai thác thủy sản nước lợ; khai thác thủy sản nước ngọt;	0312
27.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ; nuôi trồng thủy sản nước ngọt;	0322
29.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và đóng hộp thủy sản Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh Chế biến và bảo quản thủy sản khô Chế biến và bảo quản nước mắm Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác	1020
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật Chế biến và bảo quản dầu mỡ khác	1040
33.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
34.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
35.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
36.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
37.	Sản xuất đường	1072
38.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
39.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
40.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

41.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	1079
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ, biệt thự và căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; (trừ loại Nhà nước cấm)	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm từ sữa; các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610(Chính)
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
54.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5629
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
60.	Bán buôn gạo	4631

61.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm từ sữa; các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
62.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;	4633
63.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
65.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán buôn hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ;	4789
66.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	4799
67.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	9321
68.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	9329
69.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.668.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B4318039

Ngày cấp: 07/07/2010

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 38 ngõ 4, đường Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 38 ngõ 4, đường Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040091000044

Ngày cấp: 23/12/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 68 ngõ 4, đường Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 68 ngõ 4, đường Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội